

Ngày thi: 08/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20		25							55	100		
1	142211219	NGUYỄN VĂN HÙNG	K15XDD1	0		0						HP	0.0	Không		
2	142211229	PHẠM TRỌNG KHOA	K15XDD1	8		4						5.5	5.6	Năm thấy Sáu		
3	142211316	LÝ HOÀNG VŨ	K15XDD1	0		0						HP	0.0	Không		
4	152212013	LÊ VINH LINH	K15XDD1	9		9						5.5	7.1	Bảy thấy Một		
5	152212016	NGUYỄN DUY ĐÔ	K15XDD1	9		7						6.5	7.1	Bảy thấy Một		
6	152212615	PHAN PHỤNG HOÀN	K15XDD1	7		2						2	0.0	Không		
7	152212628	NGUYỄN PHẠM TÚ SINH	K15XDD1	9		7						3	0.0	Không		
8	152212637	NGÔ DUY BÌNH	K15XDD1	8		4						3	0.0	Không		
9	152212638	TRẦN HUỖNH ĐÚNG	K15XDD1	6		5						2	0.0	Không		
10	152212639	NGÔ MINH NHÂN	K15XDD1	8		6						5	5.9	Năm thấy Chín		
11	152212642	TRẦN VĂN LỢI	K15XDD1	8		7						2	0.0	Không		
12	152212645	LÊ XUÂN TÂN	K15XDD1	7		5						6.5	6.2	Sáu thấy Hai		
13	152212651	LÊ KỶ TRUNG	K15XDD1	7		2						2.5	0.0	Không		
14	152212653	PHẠM VIỆT QUỐC	K15XDD1	7		2						4	4.1	Bốn thấy Một		
15	152212655	HỒ HOÀNG VŨ	K15XDD1	7		3						5	4.9	Bốn thấy Chín		
16	152212657	PHẠM PHÚ CƯỜNG	K15XDD1	9		10						4	6.5	Sáu thấy Năm		
17	152212658	LÊ ĐÌNH CHINH	K15XDD1	8		8						5.5	6.6	Sáu thấy Sáu		
18	152212665	VÕ ĐÌNH HOÀNG	K15XDD1	6		7						3	0.0	Không		
19	152212667	PHẠM NGỌC HIẾU	K15XDD1	9		7						4	5.8	Năm thấy Tám		
20	152212678	HOÀNG ANH HÙNG	K15XDD1	9		4						6	6.1	Sáu thấy Một		
21	152212680	HỒ CHÍ BẰNG	K15XDD1	9		8						8	8.2	Tám thấy Hai		
22	152212689	NGUYỄN GIA TUẤN	K15XDD1	8		2						6.5	5.7	Năm thấy Bảy		
23	152212705	TRẦN VĂN TÙNG	K15XDD1	6		7						7	6.8	Sáu thấy Tám		
24	152212707	TRẦN ĐỨC HẢI	K15XDD1	8		6						5	5.9	Năm thấy Chín		
25	152212710	TRẦN CHÍ CÔNG	K15XDD1	7		7						8.5	7.8	Bảy thấy Tám		
26	152212714	NGUYỄN MINH NGHI	K15XDD1	9		3						5.5	5.6	Năm thấy Sáu		
27	152212724	NGUYỄN VĂN VINH	K15XDD1	9		5						6	6.4	Sáu thấy Bốn		
28	152212727	VÕ HUỖNH KHÁI	K15XDD1	9		6						6	6.6	Sáu thấy Sáu		
29	152212730	NGUYỄN VĂN TIỀN	K15XDD1	8		3						4	4.6	Bốn thấy Sáu		
30	152212734	HỒ HẢI QUYỀN	K15XDD1	9		9						7	7.9	Bảy thấy Chín		
31	152212735	CHU QUYẾT THẮNG	K15XDD1	9		10						9	9.3	Chín thấy Ba		
32	152212736	HỒ XUÂN PHÁP	K15XDD1	9		5						6.5	6.6	Sáu thấy Sáu		
33	152212737	TRẦN TRUNG KIÊN	K15XDD1	9		8						8	8.2	Tám thấy Hai		
34	152212739	LÊ XUÂN PHƯƠNG	K15XDD1	9		8						6	7.1	Bảy thấy Một		
35	152212745	NGUYỄN HẢI	K15XDD1	8		5						7	6.7	Sáu thấy Bảy		
36	152212747	NGUYỄN VĂN THÔNG	K15XDD1	9		7						6.5	7.1	Bảy thấy Một		
37	152212750	VÕ NGỌC ĐƯỜNG	K15XDD1	8		6						5	5.9	Năm thấy Chín		
38	152212753	VÕ VĂN NGUYỄN	K15XDD1	8		5						5	5.6	Năm thấy Sáu		
39	152215524	TRẦN LONG GIANG	K15XDD1	8		8						9	8.6	Tám thấy Sáu		
40	152215958	TRẦN ĐÌNH BẢO MINH	K15XDD1	7		3						1	0.0	Không		
41	152216071	NGUYỄN XUÂN LƯƠNG	K15XDD1	9		4						7	6.7	Sáu thấy Bảy		
42	152222019	ĐÌNH VĂN TÀNG	K15XDD1	9		3						4.5	5.0	Năm		

Ngày thi: 08/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20		25							55	100		
43	152222777	PHẠM TÂN VẠN	K15XDD1	9		9							8.5	8.7	Tám thấy Bảy	
44	142211262	ĐỖ THÁI SON	K15XDD2	2		0							HP	0.0	Không	
45	142522783	PHAN ĐÌNH LUYẾN	K15XDD2	6		4							5	5.0	Năm	
46	152212613	NGUYỄN LÊ ANH KIỆT	K15XDD2	8		5							7	6.7	Sáu thấy Bảy	
47	152212620	NGUYỄN VĂN HÒA	K15XDD2	8		4							6	5.9	Năm thấy Chín	
48	152212627	NGUYỄN ĐẮC DUY	K15XDD2	9		4							7	6.7	Sáu thấy Bảy	
49	152212631	HUỖNH THANH QUỐC	K15XDD2	9		6							7	7.2	Bảy thấy Hai	
50	152212634	NGUYỄN VĂN TRUNG	K15XDD2	9		7							7	7.4	Bảy thấy Bốn	
51	152212636	PHẠM HỒNG THÁI	K15XDD2	6		4							8	6.6	Sáu thấy Sáu	
52	152212640	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	K15XDD2	8		7							6	6.7	Sáu thấy Bảy	
53	152212643	PHAN TUẤN ANH	K15XDD2	9		5							6.5	6.6	Sáu thấy Sáu	
54	152212652	TRẦN HỌC	K15XDD2	9		5							4.5	5.5	Năm thấy Năm	
55	152212660	NGUYỄN QUỐC VŨ	K15XDD2	9		8							7	7.7	Bảy thấy Bảy	
56	152212663	NGUYỄN MINH THIỆN	K15XDD2	9		4							8	7.2	Bảy thấy Hai	
57	152212668	TRẦN VĂN THÀNH	K15XDD2	9		8							8	8.2	Tám thấy Hai	
58	152212669	ĐẶNG MINH CHUẨN	K15XDD2	9		5							5.5	6.1	Sáu thấy Một	
59	152212687	HỒ ĐẠI NHÂN	K15XDD2	9		3							6	5.9	Năm thấy Chín	
60	152212688	NGUYỄN CÔNG ĐOÀN	K15XDD2	9		9							7	7.9	Bảy thấy Chín	
61	152212692	PHAN QUỐC HUY	K15XDD2	9		4							5.5	5.8	Năm thấy Tám	
62	152212694	LẠI VĂN ĐỨC	K15XDD2	9		5							2.5	0.0	Không	
63	152212696	TRỊNH NGỌC THẮNG	K15XDD2	6		6							6	6.0	Sáu	
64	152212704	NGUYỄN VĂN BÌNH	K15XDD2	9		7							5	6.3	Sáu thấy Ba	
65	152212706	HOÀNG ĐỨC ĐẠT	K15XDD2	8		7							5.5	6.4	Sáu thấy Bốn	
66	152212708	NGUYỄN DUY TUÔNG	K15XDD2	9		6							6	6.6	Sáu thấy Sáu	
67	152212715	VÕ TRUNG MỸ	K15XDD2	9		5							6.5	6.6	Sáu thấy Sáu	
68	152212718	TRẦN NGỌC NAM	K15XDD2	9		4							7	6.7	Sáu thấy Bảy	
69	152212720	LÊ VĂN TÂN HÙNG	K15XDD2	9		7							5	6.3	Sáu thấy Ba	
70	152212722	PHẠM THANH HẢI	K15XDD2	9		10							7	8.2	Tám thấy Hai	
71	152212731	TRẦN THÀNH KHÂM	K15XDD2	6		6							4	4.9	Bốn thấy Chín	
72	152212732	ĐÀO TIẾN THƯỜNG	K15XDD2	9		8							6.5	7.4	Bảy thấy Bốn	
73	152212738	ĐÀO ĐỨC MÃNH	K15XDD2	9		7							9	8.5	Tám thấy Năm	
74	152212743	TRẦN ĐÌNH BẢO	K15XDD2	8		6							6	6.4	Sáu thấy Bốn	
75	152212744	NGUYỄN ANH TUẤN	K15XDD2	6		7							5	5.7	Năm thấy Bảy	
76	152215526	ĐẶNG THÁI SON	K15XDD2	9		4							5.5	5.8	Năm thấy Tám	
77	152215529	TÔN LONG LINH	K15XDD2	8		3							5.5	5.4	Năm thấy Bốn	
78	152215827	LÊ TIẾN LONG	K15XDD2	8		8							5	6.4	Sáu thấy Bốn	
79	152215829	TRƯƠNG XUÂN VINH	K15XDD2	9		4							5.5	5.8	Năm thấy Tám	
80	152222784	HOÀNG QUỐC VIỆT	K15XDD2	8		3							5	5.1	Năm thấy Một	
81	152222789	NGÔ ĐỨC HIẾU	K15XDD2	8		8							7	7.5	Bảy thấy Năm	
82	152313941	LÊ XUÂN SANG	K15XDD2	9		3							5	5.3	Năm thấy Ba	
83	132214516	PHẠM DƯƠNG PHI	K15XDD3	9		4							8	7.2	Bảy thấy Hai	
84	142211195	HUỖNH KHẮC DÂN	K15XDD3	9		4							6	6.1	Sáu thấy Một	

Ngày thi: 08/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20		25							55	100		
85	142211205	NGUYỄN CÔNG DŨNG	K15XDD3	9		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
86	152173070	VÕ PHI TUẤN	K15XDD3	9		3						7.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
87	152212014	TRƯƠNG VĂN VỊNH	K15XDD3	9		3						7	6.4	Sáu phẩy Bốn		
88	152212015	TRẦN HỒNG ANH	K15XDD3	9		7						5	6.3	Sáu phẩy Ba		
89	152212616	NGUYỄN TRUNG THI	K15XDD3	9		8						7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
90	152212617	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	K15XDD3	9		3						6	5.9	Năm phẩy Chín		
91	152212618	NGUYỄN BÁ SINH	K15XDD3	9		8						3	0.0	Không		
92	152212619	PHAN BẢO NGUYỄN	K15XDD3	0		0						HP	0.0	Không		
93	152212623	LÊ ĐỨC TIẾN	K15XDD3	8		4						5	5.4	Năm phẩy Bốn		
94	152212630	THÁI MINH HẢI	K15XDD3	9		6						4	5.5	Năm phẩy Năm		
95	152212644	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	K15XDD3	9		8						6	7.1	Bảy phẩy Một		
96	152212646	HOÀNG THẾ THẮNG	K15XDD3	9		9						5	6.8	Sáu phẩy Tám		
97	152212649	ĐOÀN HỒNG NAM	K15XDD3	9		3						4	4.8	Bốn phẩy Tám		
98	152212662	TRẦN VĂN ĐỨC	K15XDD3	8		4						6	5.9	Năm phẩy Chín		
99	152212664	LƯƠNG TRUNG SON	K15XDD3	9		7						7	7.4	Bảy phẩy Bốn		
100	152212675	TRƯƠNG THANH HUY	K15XDD3	8		5						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
101	152212676	LÊ MINH HẢI	K15XDD3	9		3						6.5	6.1	Sáu phẩy Một		
102	152212679	LÊ PHAN THANH BÌNH	K15XDD3	9		7						6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
103	152212682	HUỶNH VĂN THÀNH	K15XDD3	9		3						5	5.3	Năm phẩy Ba		
104	152212684	HOÀNG KIM DANH NHÂN	K15XDD3	8		2						4	4.3	Bốn phẩy Ba		
105	152212686	LÊ DUY KHÁNH	K15XDD3	9		7						4.5	6.0	Sáu		
106	152212690	HỒ MINH PHƯƠNG	K15XDD3	9		7						5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
107	152212691	NGUYỄN THANH LONG	K15XDD3	9		8						5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
108	152212695	LÊ THIÊN VŨ	K15XDD3	9		3						3	0.0	Không		
109	152212698	LÊ MINH TUẤN	K15XDD3	8		7						7.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
110	152212701	HOÀNG VĂN THÔNG	K15XDD3	9		7						7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
111	152212713	NGUYỄN KHÁNH CHUNG	K15XDD3	8		4						4.5	5.1	Năm phẩy Một		
112	152212719	TRẦN VĂN VẤN	K15XDD3	9		7						7	7.4	Bảy phẩy Bốn		
113	152212721	NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	K15XDD3	9		7						5	6.3	Sáu phẩy Ba		
114	152212740	ĐẶNG TUẤN ANH	K15XDD3	9		5						7	6.9	Sáu phẩy Chín		
115	152212741	HUỶNH MINH LÂM	K15XDD3	8		2						5	4.9	Bốn phẩy Chín		
116	152212746	NGUYỄN THANH TUẤN	K15XDD3	9		3						4.5	5.0	Năm		
117	152212751	LÊ KHẮC DŨƠNG	K15XDD3	8		6						2.5	0.0	Không		
118	152215525	NGUYỄN CUÔNG	K15XDD3	9		6						6	6.6	Sáu phẩy Sáu		
119	152215832	HOÀNG LÊ MINH	K15XDD3	6		3						6	5.3	Năm phẩy Ba		
120	152216157	NGUYỄN ĐÌNH TÁN	K15XDD3	9		7						3	0.0	Không		
121	152216196	NGUYỄN THỊ THUY PHƯƠNG	K15XDD3	9		8						6	7.1	Bảy phẩy Một		
122	152216199	TRẦN HỮU HÙNG	K15XDD3	9		3						8	7.0	Bảy		
123	152216454	VÕ ANH QUỐC	K15XDD3	8		5						6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
124	152313999	PHẠM HỮU MẠNH	K15XDD3	9		4						8	7.2	Bảy phẩy Hai		
125	111140305	ĐẶNG XUÂN THÁI	K15XDD3	0		0						HP	0.0	Không		
1	1197	BÙI QUỐC ĐẠT	K14XDD2	7		4						6	5.7	Năm phẩy Bảy	52768DT	

Ngày thi: 08/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20		25							55	100		
2	1242	NGUYỄN VĂN NAM	K14XDD2	9		8						8.5	8.5	Tám phần Năm	52034DT	
3	1711	NGUYỄN DUY HÂN	D15XDDB	7		8						3	0.0	Không	52779DT	
4	4783	PHAN NHẬT QUANG	K13XDD2	8		7						5	6.1	Sáu phần Một	52765DT	
5	1515	HỒ ANH LƯƠNG	D16XDDB	6		7						4	5.2	Năm phần Hai	53031DT	
6	101140099	NGUYỄN NGỌC DŨNG	K14XDD2	0		0						V	0.0	Không	39945DT	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	111	84%	
2	Số sinh viên nợ	21	16%	
TỔNG CỘNG :		132	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân

